

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ**

Ngày thi: 19/3/2017

Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian phát đề)

(Đề thi gồm có: 02 trang)

**Câu 1:** (3,0 điểm)

- Nêu các hệ quả Trái Đất tự quay quanh trục.
- Trình bày bằng hình vẽ: Các đai khí áp cao, khí áp thấp và gió Tín phong (gió Mậu dịch), gió Tây ôn đới, gió Đông cực trên Trái Đất.
- Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà Rằng mùa lũ vào những tháng nào trong năm? Nguyên nhân gây ra mùa lũ ở sông này vào những tháng đó?

**Câu 2:** (3,0 điểm)

Em hãy đọc đoạn văn sau:

*“Cả tuần nay, chúng tôi len lỏi trong rừng cây rậm rạp, phải dùng dao vất vả và lăm lăm mới mở được một lối đi nhỏ hẹp. Những con kiến càng rơi từ trên cành lá xuống để lại trên da thịt chúng tôi những vết cắn rất bỏng. Trên đầu, chung quanh và dưới chân, cây cối và dây leo bao quanh bốn phía. Chúng tôi chỉ có mỗi một khát khao cháy bỏng: được nhìn thấy trời xanh, mây trắng và thoát khỏi bầu không khí ngột ngạt này”*

(Theo Giô-xép Gơ-li-ê)

- Đoạn văn trên miêu tả kiểu môi trường địa lí gì? Thuộc đới nào? Nêu biểu hiện của kiểu môi trường địa lí đã nêu trong đoạn văn trên?
- Đới địa lí trên có các kiểu môi trường nào?
- Kiểu môi trường nhiệt đới gió mùa có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất nông nghiệp?

**Câu 3:** (4,0 điểm)

a) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy chứng minh nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản năng lượng phong phú, đa dạng. Việc khai thác khoáng sản của nước ta hiện nay đang gặp những khó khăn nào?

b) Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết tên các con sông, các dạng địa hình mà lát cắt từ A đến B đi qua? Lát cắt đi từ A đến B có ý nghĩa như thế nào về tự nhiên?

**Câu 4:** (2,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

**Dân số trung bình nước ta phân theo thành thị và nông thôn thời kì 1990-2010**

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	Thành thị	Nông thôn
1990	12 880,3	53 136,4
2000	17 725,4	58 905,6
2005	22 332,0	60 060,1
2010	26 515,9	60 416,6

a) Tính cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn trong thời kì 1990-2010.

b) Giải thích tại sao ở Đồng bằng sông Cửu Long khu vực dọc sông Tiền, sông Hậu dân cư tập trung đông đúc, mật độ cao?

**Câu 5:** (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

**Sản lượng và giá trị sản xuất thủy sản của nước ta 2005-2010**

Năm	2005	2007	2009	2010
Sản lượng (nghìn tấn)	3 467	4 587	4 870	5 128
-Khai thác	1 988	2 075	2 280	2 421
-Nuôi trồng	1 479	2 512	2 590	2 707
Giá trị sản xuất (tỉ đồng, giá so sánh 1994)	38 784	47 014	53 654	56 966

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2010.

b) Tính tốc độ gia tăng giá trị sản xuất thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2010. (lấy năm 2005 = 100%).

c) Nhận xét tình hình phát triển ngành thủy sản của nước ta giai đoạn 2005-2010.

**Câu 6:** (4,0 điểm)

a) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, kể tên các nhà máy thủy điện đã xây dựng của vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ, các nhà máy thủy điện này trên sông nào?

b) Trình bày hiện trạng các trung tâm công nghiệp vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

c) Tại sao trong việc phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu?

--- HẾT ---

*Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục từ năm 2009 đến nay để làm bài.*

Họ và tên thí sinh: \_\_\_\_\_

Số báo danh: \_\_\_\_\_

Chữ ký GT1: \_\_\_\_\_

Chữ ký GT2: \_\_\_\_\_

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: ĐỊA LÍ**

*Ngày thi: 19/3/2017*

Hướng dẫn chấm gồm có: 04 trang

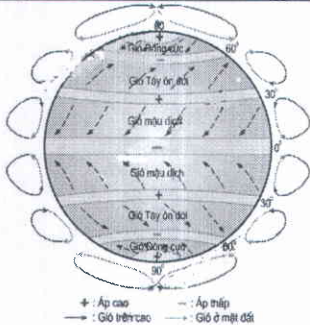
**I. Hướng dẫn chung**

1) Nếu học sinh làm bài không theo cách nêu trong đáp án nhưng đúng, chính xác, chặt chẽ thì cho đủ số điểm của câu đó.

2) Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải bảo đảm không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải được thống nhất thực hiện trong tổ chấm.

**II. Đáp án và thang điểm**

**Câu 1:** (3,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<b>a) Các hệ quả Trái Đất tự quay quanh trục.</b>	<b>1,0</b>
- Sự luân phiên ngày và đêm;	0,5
- Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế;	0,25
- Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể.	0,25
<b>b) Trình bày bằng hình vẽ: Các đai khí áp cao, khí áp thấp và các loại gió Tín phong (gió Mậu dịch), gió Tây ôn đới, gió Đông cực trên Trái Đất.</b>	<b>1,0</b>
 <p>Các đai khí áp cao, khí áp thấp và các loại gió Tín phong, gió Tây ôn đới, gió Đông cực trên Trái Đất.</p>	
- Đúng từ 02 đai khí áp cao và 02 đai khí áp thấp trở lên;	0,25
- Đúng gió Tín phong;	0,25
- Đúng gió Tây ôn đới;	0,25
- Đúng gió Đông cực.	0,25
<b>c) Sông Đà Rằng mùa lũ vào những tháng nào trong năm? Nguyên nhân gây ra mùa lũ ở sông này vào những tháng đó?</b>	<b>1,0</b>
- Sông Đà Rằng mùa lũ vào những tháng: 9,10,11,12	0,5
<i>(Nếu học sinh trả lời vào mùa Thu – Đông: 0,5 điểm)</i>	
- Nguyên nhân: do mùa mưa ở Duyên hải Nam Trung Bộ vào mùa Thu – Đông.	0,5

**Câu 2:** (3,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<b>a) Đoạn văn trên miêu tả kiểu môi trường địa lí gì? Thuộc đới nào? Nêu biểu hiện của kiểu môi trường địa lí đã nêu trong đoạn văn trên?</b>	<b>1,0</b>
- Kiểu môi trường xích đạo ẩm, của đới nóng.	0,25
- Rừng cây rậm rạp.	0,25
- Cây cối và dây leo bao quanh bốn phía.	0,25

- Nóng ẩm, mưa nhiều quanh năm.	0,25
<b>b) Môi trường địa lí trên có các kiểu khí hậu:</b>	<b>1,0</b>
- Xích đạo ẩm	0,25
- Nhiệt đới	0,25
- Nhiệt đới gió mùa	0,25
- Hoang mạc	0,25
<b>c) Ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp</b>	<b>1,0</b>
<i>*Tích cực:</i>	
- Đa dạng các hình thức canh tác nông nghiệp (làm nương rẫy, làm ruộng, thâm canh lúa nước, sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn,...)	0,25
- Trồng trọt, chăn nuôi tiến hành quanh năm.	0,25
<i>*Tiêu cực:</i>	
- Khí hậu nóng ẩm tạo điều kiện cho các loại mầm bệnh phát triển, gây hại cho cây trồng và vật nuôi,...	0,25
- Lượng mưa tập trung vào một mùa làm tăng xói mòn đất, lũ lụt. Mùa khô kéo dài gây hạn hán.	0,25

**Câu 3:** (4,0 điểm)

NỘI DUNG	ĐIỂM
<b>a) Chứng minh nước ta có nguồn tài nguyên khoáng sản năng lượng phong phú, đa dạng. Việc khai thác khoáng sản của nước ta hiện nay đang gặp những khó khăn</b>	<b>2,0</b>
- Tài nguyên khoáng sản năng lượng phong phú, đa dạng:	
+ Dầu mỏ: các mỏ dầu Hồng Ngọc, Rạng Đông, Bạch Hổ, Rồng, Bunga Kêkoa	0,25
+ Mỏ khí tự nhiên: Lan Tây, Lan Đỏ, Tiên Hải	0,25
+ Than đá: Cẩm Phả, Vàng Danh, Lạc Thủy, Quỳnh Nhai...	0,25
+ Than bùn: Thới Bình (Cà Mau)	0,25
+ Than nâu: ở Đồng bằng sông Hồng...	0,25
- Việc khai thác khoáng sản của nước ta hiện nay đang gặp những khó khăn:	
+ Khoáng sản phân tán trong không gian nên việc khai thác gặp khó khăn;	0,25
+ Khoáng sản phân bố chủ yếu ở đồi núi;	0,25
+ Các khó khăn khác: ô nhiễm môi trường, khoa học công nghệ còn hạn chế...	0,25
<b>b) Tên các con sông, các dạng địa hình mà lát cắt từ A đến B đi qua? Lát cắt đi từ A đến B có ý nghĩa như thế nào về tự nhiên?</b>	<b>2,0</b>
- Lát cắt từ A đến B qua:	
+ Các công sông: sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Đắc Dung, sông Đa Nhim, sông Cái. (học sinh trả lời đúng 2 con sông: 0,25; 4 con sông trở lên: 0,5)	0,5
+ Các dạng địa hình: bán bình nguyên, cao nguyên (cao nguyên Di Linh, cao nguyên Lâm Viên), núi (đỉnh núi Bi Doup).	0,5
- Lát cắt đi từ A đến B có ý nghĩa:	
+ Lát cắt phản ánh rõ một hướng phân hóa địa hình của miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ (hướng Tây Nam – Đông Bắc);	0,25
+ Thể hiện sự chuyển tiếp giữa đồng bằng với vùng cao nguyên;	0,25
+ Là hướng địa hình chính của khu Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ;	0,25
+ Hướng lát cắt: nối từ thành phố Hồ Chí Minh với thành phố Đà Lạt.	0,25

**Câu 4:** (2,0 điểm)

NỘI DUNG			ĐIỂM
a) Cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn thời kì 1990-2010. Cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị và nông thôn thời kì 1990-2010 (Đơn vị: %)			1,0
Năm	Thành thị	Nông thôn	1,0
1990	19,5	80,5	
2000	23,1	76,9	
2005	27,1	72,9	
2010	30,5	69,5	
Thiếu đơn vị tính: -0,25 điểm			
b) Giải thích tại sao ở Đồng bằng sông Cửu Long khu vực dọc sông Tiền, sông Hậu dân cư tập trung đông đúc, mật độ cao.			1,0
- Điều kiện tự nhiên thuận lợi, đặc biệt là đất phù sa màu mỡ thuận lợi trồng lúa thâm canh.			0,5
- Kinh tế phát triển: nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, các trung tâm công nghiệp.			0,25
- Giao thông thuận lợi.			0,25

**Câu 5:** (4,0 điểm)

NỘI DUNG					ĐIỂM																				
a) Biểu đồ thể hiện sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2010					2,0																				
<p style="text-align: center;"><b>BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA 2005 - 2010</b></p> <table border="1"> <caption>Data for Aquaculture and Capture Production (in thousand tons)</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Khai thác (nghìn tấn)</th> <th>Nuôi trồng (nghìn tấn)</th> <th>Tổng (nghìn tấn)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2005</td> <td>1988</td> <td>1479</td> <td>3467</td> </tr> <tr> <td>2007</td> <td>2075</td> <td>2512</td> <td>4587</td> </tr> <tr> <td>2009</td> <td>2280</td> <td>2590</td> <td>4870</td> </tr> <tr> <td>2010</td> <td>2421</td> <td>2707</td> <td>5128</td> </tr> </tbody> </table>					Năm	Khai thác (nghìn tấn)	Nuôi trồng (nghìn tấn)	Tổng (nghìn tấn)	2005	1988	1479	3467	2007	2075	2512	4587	2009	2280	2590	4870	2010	2421	2707	5128	2,0
Năm	Khai thác (nghìn tấn)	Nuôi trồng (nghìn tấn)	Tổng (nghìn tấn)																						
2005	1988	1479	3467																						
2007	2075	2512	4587																						
2009	2280	2590	4870																						
2010	2421	2707	5128																						
<p><b>Lưu ý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ biểu đồ dạng khác không cho điểm.</li> <li>- Các yếu tố thiếu: -0,25 điểm</li> </ul>																									
b) Tính tốc độ gia tăng giá trị sản xuất thủy sản nước ta (lấy năm 2005=100%)					1,0																				
(Đơn vị: %)																									
Năm	2005	2007	2009	2010	1,0																				
Giá trị sản xuất	100	121,2	138,3	146,9																					
- Đúng số liệu 1 năm: 0,25																									
- Thiếu đơn vị: -0,25																									